TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2021
"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang

Ông Nguyễn Huy Giáp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2021/TLST- HNGĐ ngày 30/3/2021 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ 10, Khu phố PBC, thị trấn DG, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang Nh, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 55, ấp QĐ, Đường ĐH 7, xã ĐH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Th và anh Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tường trình nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Th trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Quang Nh, sau khi tìm hiểu đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2012 ngày 26/3/2012.

Trong quá trình chung sống, giai đoạn đầu hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 3 năm, hai người không còn liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Do bận việc nên chị Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Bị đơn anh Nguyễn Quang Nh trình bày:* Anh và chị Th có đăng ký kết hôn tự nguyện như chị Th trình bày là đúng. Nay chị Th nộp đơn xin ly hôn, anh đồng ý vì thực sự giữa hai bên không có biện pháp hàn gắn, không còn tiếng nói chung, hai người cũng đã sống ly thân 03 năm, không còn liên lạc với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Do bận việc nên anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị Th và anh Nh có đăng ký kết hôn tự nguyện và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hai người đã ly thân ba năm, hiện không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc ly hôn với anh Nh.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương Th có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quang Nh, địa chỉ tại: Đường ĐH 7, ấp QĐ, xã ĐH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Do đó, chị Th được xác định là nguyên đơn, anh Nh được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn" và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh Nh kết hôn vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/3/2012 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nh và được Tòa án thụ lý ngày 30/3/2021 nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết ly hôn.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo nguyên đơn trình bày, trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, đã hơn 03 năm hai người không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau, không cùng mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị Th xin ly hôn (bút lục 8, 17). Yêu cầu ly hôn của chị Th cũng được anh Nh đồng ý, vì thực sự hai bên không còn biện pháp hàn gắn, không còn sống chung (bút lục 18). Vì vậy, Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa anh Nh và chị Th là trầm trọng, đời sống hơn nhân giữa hai người không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nh là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Các đương sự khai không có con chung nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương Th được ly hôn với anh Nguyễn Quang Nh.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006106 ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Th đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- UBND xã Bàu Hàm 2, Thống Nhất;
(Giấy CNKH số: 44, ngày 26/3/2012)
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;
Mẫu 52-DS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Phú Tra